

Bản án số: **333/2024/DS-ST**

Ngày: 10/10/2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương

Bà Nguyễn Thị Cờ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thẩm tra viên chính

Toà án nhân dân quận Đống Đa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thanh Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 208/2024/TLST-DS ngày 29/5/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 365/2024/QĐXX ngày 27/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2024/QĐHPT ngày 20/9/2024.

** Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: Số A, phường B, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP A – A (Hợp đồng ủy quyền ngày 13/4/2023)

Địa chỉ liên hệ: Tầng A, số B, phường C, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thanh N, anh Lỗ Chí Anh Đ và anh Khiếu Ngọc S (văn bản ủy quyền ngày 22/5/2024)

** Bị đơn:* Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1976

Đăng ký thường trú: Phòng A, số B, phường C, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Phòng A, số B, phường C, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị Tuyết N ký Hợp đồng cho vay số 48185.22.062.23323236.TD ngày 11/11/2022 và văn bản nhận nợ số LD2233217982 ngày 25/11/2022 với nội dung: Ngân hàng cho bà Trần Thị Tuyết N vay số tiền 3.402.961.200 đồng. Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí mua biệt thự số A6.11, lô số SH17.07 thuộc dự án Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng A tại xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Thời hạn vay: 240 tháng. Lãi suất cho vay từ ngày giải ngân đến ngày 27/02/2023 là 13.1%/năm. Lãi suất cho vay thời gian tiếp theo điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào các ngày 28/02, 28/5, 28/8 và 28/11 hàng năm được xác định bằng lãi suất tham chiếu VND thời hạn khoản vay > 12 tháng đối với khách hàng cá nhân do Ngân hàng công bố/thông báo có hiệu lực áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất + biên độ 4,5%/năm. Tiền lãi được tính bằng Dư nợ gốc thực tế x số ngày vay thực tế x lãi suất cho vay : 365 ngày. Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả: 10%/năm. Lãi suất cho vay Ưu đãi: Khách hàng đáp ứng quy định tại Văn bản nhận nợ này sẽ được Ngân hàng áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi đối với số tiền giải ngân như sau: Thời hạn ưu đãi lãi suất: 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại ngày giải ngân đến ngày 27/11/2023 là 12%/năm. Lãi suất cho vay thời gian tiếp theo điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, vào (các) ngày 28/02, 28/05, 28/08, 28/11 hàng năm và được xác định bằng Lãi suất tham chiếu VND thời hạn khoản vay > 12 tháng đối với Khách hàng cá nhân do Ngân hàng công bố/thông báo có hiệu lực áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất + biên độ 3,6%/năm

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Bà Trần Thị Tuyết N đã thế chấp quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán biệt thự số A/HĐMB-FHT ngày 29/8/2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo (nếu có) giữa bà Trần Thị Tuyết N và Công ty A về việc mua bán biệt thự: A, lô số B thuộc Dự án Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng C tại xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa theo Hợp đồng thế chấp số 64545.22.062.23323236.BĐ ngày 11/11/2022. Đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến ngày 23/11/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Tuyết N đã không thực hiện trả nợ theo nợ cam kết trong hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ, khoản vay bị quá hạn từ ngày 01/11/2023 cụ thể: Tính đến ngày 21/5/2024 bà Trần Thị Tuyết N đã trả cho Ngân hàng là 431.286.359 đồng, trong đó trả nợ gốc là 14.925.136 đồng, lãi trong hạn đã trả là 416.317.341 đồng, tiền phạt đã trả là 43.882 đồng.

Nay, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Buộc bà Trần Thị Tuyết N thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm tính đến ngày 10/10/2024 là 3.718.357.522 đồng, trong đó nợ gốc là 3.388.036.064 đồng, nợ lãi trong hạn là 309.262.828 đồng, nợ lãi quá hạn 9.447.877 đồng, lãi chậm trả lãi 11.610.753 đồng.

- Buộc bà Trần Thị Tuyết N thanh toán phần nợ lãi, tiền phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 48185.22.062.23323236.TD ngày 11/11/2020 kể từ ngày 11/10/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị Tuyết N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán biệt thự số A/HĐMB-FHT ngày 29/8/2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo (nếu có) giữa bà Trần Thị Tuyết N và Công ty TNHH A về việc mua bán biệt thự: A thuộc Dự án Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng B tại xã A, huyện B tỉnh Thanh Hóa theo Hợp đồng thế chấp số 64545.22.062.23323236.BĐ ngày 11/11/2022. Đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến ngày 23/11/2022.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Trần Thị Tuyết N đối với Ngân hàng TMCP A. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Trần Thị Tuyết N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP A.

Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu nào khác.

*** Bị đơn là bà Trần Thị Tuyết N:** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị Tuyết N tuy nhiên bà Trần Thị Tuyết N không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không gửi bản tự khai và không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công ty A, tại công văn số 299/FHT-TTQT ngày 16/9/2024 Công ty A cung cấp: Tính đến ngày 16/9/2024, bà Trần Thị Tuyết N đã nộp cho Công ty số tiền là: 4.996.293.200 đồng tương đương 95% giá trị Hợp đồng mua bán. Số tiền Bà Trần Thị Tuyết N còn phải nộp là 5% giá trị Hợp đồng mua bán: 262.962.800 đồng; Phí dịch vụ: 7.296.000 đồng (tạm tính đến Tháng 08/2024); Phí phạt chậm thi công: 56.200.000 đồng (tạm tính đến ngày 16/09/2024).

Công ty đã bàn giao Biệt thự A cho bà Trần Thị Tuyết N theo Biên bản nghiệm thu và bàn giao Biệt thự ký ngày 01/11/2023.

Công ty đã biết việc bà Trần Thị Tuyết N thế chấp Biệt Thự A tại Ngân hàng TMCP A. Công ty không có ý kiến gì khác đối với các nội dung Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp khách hàng mới nhận chuyển nhượng/trúng đấu giá tài sản phát mại thì khách hàng mới có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền còn phải nộp cho Công ty theo nội dung nêu trên. Công ty đề nghị vắng mặt trong quá trình giải

quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn do anh Lỗ Chí Anh Đ đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Bị đơn vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, triệu tập đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị xét xử vắng mặt họ.

- Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng cho vay tài sản, Hợp đồng thế chấp được ký giữa Ngân hàng với bà Trần Thị Tuyết N xét về nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án, không nộp tài liệu chứng cứ, theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Trần Thị Tuyết N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Trần Thị Tuyết N trả nợ gốc, lãi và các khoản phí khác theo hợp đồng cho vay đã ký. Đối với đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị Tuyết N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm. Căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản, báo cáo định giá tài sản bảo đảm số 23.490124.MB kèm theo phụ lục thì tài sản thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán biệt thự số A/HĐMB-FHT ngày 29/8/2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo (nếu có) giữa bà Trần Thị Tuyết N và Công ty A về việc mua bán biệt thự: A thuộc Dự án Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng A tại xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa theo Hợp đồng thế chấp số 64545.22.062.23323236.BĐ ngày 11/11/2022. Đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến ngày 23/11/2022. Theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng thế chấp khi bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì bên nhận thế chấp được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nên việc nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Trần Thị Tuyết N, đăng ký thường trú: Căn A dự án B, số C, phường D, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Phòng A số B, phường C, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền về lãnh thổ và loại việc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Thị Tuyết N đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng và phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Về hợp đồng tín dụng:

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng và bà Trần Thị Tuyết N ký Hợp đồng cho vay số 48185.22.062.23323236.TD ngày 11/11/2022 và văn bản nhận nợ số LD2233217982 ngày 25/11/2022, nội dung: Ngân hàng cho bà Trần Thị Tuyết N vay số tiền 3.402.961.200 đồng; Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí mua biệt thự số A, lô số B thuộc dự án Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng A tại xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Thời hạn vay 240 tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 10/10/2024 bà Trần Thị Tuyết N đã trả cho Ngân hàng là 431.286.359 đồng, trong đó trả nợ gốc là 14.925.136 đồng, lãi trong hạn đã trả là 416.317.341 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 43.882 đồng.

Xét thấy hợp đồng cho vay được ký kết giữa Ngân hàng với bà Trần Thị Tuyết N là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên xác định là hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia. Do bà Trần Thị Tuyết N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và các khoản lãi theo hợp đồng cho vay đã ký là đúng quy định của pháp luật.

2.2. Về hợp đồng thế chấp tài sản:

Để đảm bảo cho khoản vay trên bà Trần Thị Tuyết N đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán biệt thự số A/HĐMB-FHT ngày 29/8/2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo (nếu có) giữa bà Trần Thị Tuyết N và Công ty A về việc mua bán biệt thự: A thuộc Dự án Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng A tại xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa theo Hợp đồng thế chấp số 64545.22.062.23323236.BĐ ngày 11/11/2022. Đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến ngày 23/11/2022.

Ngày 08/8/2024, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, hiện trạng biệt thự A nằm trong dự án Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng A tại xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Chủ đầu tư là Công ty A đã xây thô nhà 3 tầng 1 tum, chưa có cửa, toàn bộ để trống, chưa có cầu thang từ tầng 2 lên tầng 3. Phía bắc giáp B, phía đông giáp lối đi chung có chiều rộng khoảng 1m, phía nam giáp C, phía tây giáp vỉa hè.

Xét thấy, việc ký kết biện pháp bảo đảm do các bên tự nguyện, được lập thành văn bản, tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên xác định là hợp pháp và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Trường hợp bà Trần Thị Tuyết N không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

* Về án phí:

- Bà Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 36, 39, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 302, 305, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 351, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 91, 94, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đối với

bà Trần Thị Tuyết N.

2. Buộc bà Trần Thị Tuyết N phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần QA theo Hợp đồng cho vay số 48185.22.062.23323236.TD ngày 11/11/2022 và Văn bản nhận nợ số LD2233217982 ngày 25/11/2022 tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/10/2024 là 3.718.357.522 đồng (*Ba tỷ, bảy trăm mười tám triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 3.388.036.064 đồng (*Ba tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm sáu mươi tư đồng*), nợ lãi trong hạn là 309.262.828 đồng (*Ba trăm linh chín triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng*), nợ lãi quá hạn 9.447.877 đồng (*Chín triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng*), lãi chậm trả lãi 11.610.753 đồng (*Mười một triệu, sáu trăm mười nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng*).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Trần Thị Tuyết N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm, để thu hồi nợ: Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán biệt thự số A/HĐMB-FHT ngày 29/8/2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo (nếu có) giữa bà Trần Thị Tuyết N và Công ty A về việc mua bán biệt thự: A thuộc Dự án Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng A tại xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa theo Hợp đồng thế chấp số 64545.22.062.23323236.BĐ ngày 11/11/2022. Đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến ngày 23/11/2022.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì tất cả người đang cư trú tại đây phải bàn giao nhà đất để thi hành án.

Trường hợp số tiền phát mại không đủ thanh toán thì bà Trần Thị Tuyết N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền bà Trần Thị Tuyết N còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho bên thế chấp là bà Trần Thị Tuyết N.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị Tuyết N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

- Bà Trần Thị Tuyết N phải chịu 106.367.150 đồng (*Một trăm linh sáu triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được hoàn trả lại 51.548.576 đồng (*Năm mươi một triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001296149 ngày 29/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Việt Nga (đã ký)**